Chi tiết mã HS 1001

Mã HS	1001
Mô tả hàng hóa	Lúa mì và meslin
Đơn vị	
Thời điểm tạo	30/10/2026 17:30:54
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/1001/

8 dòng thuế thuộc 1001

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
1001.11.00	Lúa mì và meslin / - Lúa mì Durum: / - - Hạt giống	kg	5%	0%	* / 8 / 10 (nhiều mức)
1001.19.00	Lúa mì và meslin / - Lúa mì Durum: / - - Loại khác	kg	5%	0%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
1001.91.00	Lúa mì và meslin / - Loại khác: / - - Hạt giống	kg	5%	0%	* / 8 / 10 (nhiều mức)
1001.99.11	Lúa mì và meslin / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Thích hợp sử dụng cho người: / - - - - Meslin (SEN)	kg	5%	0%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
1001.99.12	Lúa mì và meslin / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Thích hợp sử dụng cho người: / - - - - Hạt lúa mì đã bỏ lớp vỏ ngoài cùng (SEN)	kg	5%	0%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
1001.99.19	Lúa mì và meslin / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Thích hợp sử dụng cho người: / - - - - Loại khác (SEN)	kg	5%	0%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
1001.99.91	Lúa mì và meslin / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác: / - - - - Meslin	kg	5%	0%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
1001.99.99	Lúa mì và meslin / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác (SEN)	kg	5%	0%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.